

Bản án số: **365/2023/HSPT**

Ngày: 29-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 201/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Hoàng Văn T và **đồng phạm** về tội “*Giữ người trái pháp luật*”, “*Cướp tài sản*”. Do bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

1. Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Cây em); sinh năm 1991, tại: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: Hoàng C, sinh năm 1959 và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1962. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/4/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 53/2008/HSPT. Ngày 15/3/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 64/2013/HSPT. Ngày 23/3/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù, về tội Đánh bạc, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 105/2018/HSPT. Ngày 09/6/2019 chấp hành xong hình phạt (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Minh P; sinh năm 1986, tại: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Trần Thành C1, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị Diệu A, sinh năm 1966. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2021, có mặt.

3. Nguyễn Thị T2; sinh năm 1995, tại: tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: Nguyễn T3, sinh năm 1953 và bà: Lê Thị T4, sinh năm 1952. Bị cáo cho chồng là Hoàng Văn T, sinh năm 1991; có 02 con: đứa lớn sinh năm 2013 và đứa nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 23/6/2022 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Văn T và Trần Minh P: Ông Lê Công T5 – Luật sư văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thị T2: Bà Nguyễn Thị X, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình làm nghề lái xe vận chuyển hàng hóa từ tỉnh Đắk Lắk đến thành phố Hồ Chí Minh, thì Trần Minh P biết Trương Thiên A có bán ma túy đá nên đã mua ma túy đá của A nhiều lần. Vào khoảng 08 giờ ngày 02/12/2021, A gọi điện thoại cho P nói A đang ở nhà của Hoàng Văn T và hỏi P có mua ma túy đá không thì P nói có. Sau đó, P và A thỏa thuận việc mua ma túy với số tiền 1.000.000 đồng, chuyển khoản trước 300.000 đồng đến tài khoản tên T6 qua ứng dụng ví điện tử M và mua 01 thẻ cào mạng Vinaphone mệnh giá 200.000 đồng, đọc mã thẻ cào cho A. Đến ngày 03/12/2021 khi A giao ma túy thì P sẽ giao đủ số tiền còn lại là 500.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, T cùng Hoàng Văn T7 đón A đến phòng trọ của T7 tại thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, A hỏi mượn T số tiền 1.500.000 đồng để trả tiền xe ôm. Nhưng do không mang theo tiền nên T đã gọi điện thoại cho vợ là Nguyễn Thị T2 và nói T2 mang tiền đến phòng trọ của T7. Sau đó, Nguyễn Thị T2 đến phòng trọ và đưa 1.500.000 đồng cho T2, tiếp đó T2 đưa lại cho A, A hẹn từ 01 đến 02 ngày sau sẽ trả lại. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô chở A đến nhà T2 tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để chơi. Tại đây, A tiếp tục mượn Truyền thêm 2.000.000 đồng để chuyển đến tài khoản mang tên Nguyễn Thanh T8, hẹn 01 đến 02 ngày sau sẽ trả. Sau đó, Nguyễn Thị T2 cầm 2.000.000 đồng đến quán điện thoại của anh Lê Văn C2 và nạp 2.000.000 đồng vào số tài khoản 105871821986 mang tên Nguyễn Thanh T8. Khoảng 07 giờ ngày 03/12/2021, A gọi điện thoại cho P nói P chuyển thêm tiền để mua ma túy

thì P không đồng ý, nên giữa A và P đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Phụng bức tức nên nhắn tin cho T2 với nội dung: “*Giữ thằng chó đó lại cho anh!*”. Truyền nhắn tin trả lời: “*Dạ!*”. Đến khoảng 07 giờ 10 phút cùng ngày do sợ A bỏ trốn, nên T2 đã bắt A chui vào 01 cái chuồng sắt, có kích thước (1,125 x 1,2 x 1,56)m, cửa chuồng bằng sắt đang mở sẵn, ở bên cạnh nhà của T2 để không cho A bỏ trốn. Khi A chui vào trong thì T2 đi đến chốt cửa chuồng sắt lại, rồi lấy ghế nhựa ra ngồi cách đó khoảng 02m để canh chừng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, P và T7 mỗi người điều khiển một xe mô tô đi đến nhà T2. Khi đến, nhìn thấy A đang ở trong chuồng sắt thì P đi đến gần và hỏi: “*Sao mày? Tiền tao đâu? Tính lừa tao hả? Mày tin tao lấy ngón tay mày không?*”. P nói T7 vào nhà T2 lấy kéo ra để cắt ngón tay của A, nhưng sau đó T7 đi vào nhà T2 mà không thực hiện theo lời của P. Lúc này T2 đi đến mở chốt cửa chuồng sắt cho A chui ra, thì P đi đến dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt của A, thấy vậy T2 nói: “*Thôi ở đây đông người, hàng xóm để ý!*”. Sau đó T2 điều khiển xe mô tô chở A ngồi giữa, P ngồi sau, đi đến rẫy của ông Hoàng C (là bố ruột của T2) tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cách nhà T2 khoảng 01km), thấy vậy thì T7 điều khiển xe mô tô một mình đi theo sau. Sau khi đến rẫy thì T7 điều khiển xe mô tô một mình đi lên thành phố B, còn T2 và P dẫn A đi đến phía cuối rẫy, gần khu vực hồ nước. Trên đường đi, P dùng tay đánh nhiều cái vào người và mặt của A, T2 đi phía sau dùng chân đá 01 cái vào vùng hông của A. Sau khi đi đến cuối rẫy thì A ngồi xuống gần một gốc cây, P dùng gậy đánh vào vai, lưng của A từ 03 đến 04 cái và yêu cầu A trả cho P số tiền 1.500.000 đồng. T2 bắt A gọi điện thoại cho người khác để chuyển tiền trả cho P và T2, nhưng khi A gọi thì không ai cho mượn tiền. Do điện thoại của A hết pin nên T2 đã đưa điện thoại của mình cho A để A tiếp tục gọi điện mượn tiền để trả nợ. Sau đó Nguyễn Thị T2 điều khiển xe mô tô đi vào rẫy và mang theo 03 chai nước giải khát và 01 thẻ cào mạng Vinaphone. Khi vào đến nơi Nguyễn Thị T2 đi đến vị trí A đang ngồi, dùng tay tát vào mặt A 02 cái và nói: “*Tiền của tao đâu?*”, đồng thời chửi thề và nói: “*Nợ tiền tao không trả à?*”, rồi lấy cây gậy từ tay P đánh vào chân của A 02 cái, thì P giật cây gậy lại và tiếp tục đánh nhiều cái vào người A, sau đó P vứt cây gậy lên phía trên rẫy. Một lúc sau P tiếp tục lấy 01 cây gậy gỗ khác để đánh A, A xin nước uống thì Nguyễn Thị T2 đưa cho A chai nước nhãn hiệu Wake Up Cà phê 247. Ăn uống hết nước trong chai, tiếp tục xin nước uống thì P nói: “*Giờ chỉ có uống nước hồ!*”, nghe vậy A đã lấy vỏ chai trên mức nước dưới hồ lên để uống. Sau đó, Nguyễn Thị T2 đi về nhà. Một lúc sau, A hỏi Hoàng Văn T kiểm tra xem đã nhận được 500.000 đồng mà A đã nhờ được người chuyển vào chưa. Vì số tài khoản của Hoàng Văn T đăng ký dịch vụ SMS Banking qua số điện thoại của Nguyễn Thị T2, nên T2 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thị T2 hỏi có tin nhắn nhận tiền không, thì Nguyễn Thị T2 nói đã nhận được. P tiếp tục dùng gậy đánh A, bị đánh A không kháng cự, chỉ ngồi chịu đánh. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi P đánh A, do A né, cúi người xuống, làm gậy đập trúng vùng trán, gây rách da, chảy máu. Thấy A có vết rách da, chảy máu ở vùng trán thì P không đánh A nữa, vứt cây gậy lên phía trên rẫy. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T7 quay lại rẫy thì thấy A có biểu hiện mệt mỏi, lơ đãng, nằm trên mặt

đất, có vết rách da, chảy máu nên đã nói chờ Á đi cấp cứu thì P dùng miệng thổi ngạt cho Á nhưng Á vẫn bất tỉnh nên P, T2 dìu Á đi lên phía trên rầy ròi P và T7 chờ Á đi cấp cứu tại Trạm y tế xã E. Khi vào Trạm y tế thì nhân viên y tế xác định Á đã tử vong, nên P và T7 bỏ đi. Trên đường đi P và T7 gặp T2 đi chiều ngược lại nên đã nói cho T2 biết. Sau khi biết tin Á đã tử vong thì T2 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thị T2, nói mang chiếc điện thoại di động của Á đi đốt. Nguyễn Thị T2 tìm thấy 01 điện thoại di động mà trước đó Á sử dụng đang để trên tủ lạnh nhà T2, nên đã mang ném vào đồng lửa mà trước đó Nguyễn Thị T2 đã đốt để sưởi ấm cho gà con ở khu vực phía sau nhà T2. Đến ngày 04/12/2021 Hoàng Văn T và Trần Minh P đã đến Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại Bản kết luận giám định số 1157/PYTT-PC09 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Nguyên nhân tử vong của Trương Thiên Á là viêm cơ tim cấp dẫn đến suy tuần hoàn cấp không hồi phục

* Tại Bản kết luận giám định số 231/KL-GĐĐV(PC09) ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Dấu vân tay đã thu thập được trong quá trình khám nghiệm tử thi vụ chết người tại Trạm y tế xã Ea Hu vào ngày 03 tháng 12 năm 2021 so với dấu vân tay của Trương Thiên Á, sinh ngày 19/02/1994, nơi thường trú: F L, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh là của cùng một người (

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung số 195/KL-KTHS ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Nguyên nhân dẫn đến Viêm cơ tim cấp có thể do: Virus, vi khuẩn, nấm, lupus ban đỏ hệ thống, viêm u hạt, viêm cơ tim tăng bạch cầu ái toan, thuốc và các hóa chất, tia xạ, các nguyên nhân khác, viêm cơ tim không rõ nguyên nhân...

* Tại Công văn số 112/PC09-Đ1 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Nếu nạn nhân khỏe mạnh, không có các nguyên nhân như V, vi khuẩn, nấm, lupus ban đỏ hệ thống, thuốc và các hóa chất, tia xạ...thì khi nạn nhân vừa bị đánh vừa bị đe dọa trong tình trạng lo lắng, kéo dài không thể dẫn đến việc nạn nhân bị viêm cơ tim cấp.

Bên cạnh đó, một người đang có bệnh lý viêm cơ tim cấp nếu bị đánh, vừa bị đe dọa trong tình trạng lo lắng kéo dài thì có thể là yếu tố thúc đẩy khiến bệnh tiến triển nặng hơn và có thể dẫn đến tử vong tùy theo cơ địa mỗi người

* Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 415/GĐHS ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Trương Thiên Á trước khi tử vong là 05%. Vật gây thương tích là vật tày, tác động trực tiếp

* Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ (bổ sung) số 542/GĐHS ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do từng thương tích của Trương Thiên Á gồm: Vết rách da nằm dọc, đồng vảy, cách vết vùng thái dương đỉnh trái lên trên 3cm, kích thước (3 x 0,3)cm, tỷ lệ 1%; Vết rách da nằm dọc vùng đỉnh phải, kích thước

(1,2 x 0,2)cm, sâu 0,2cm, bờ mép nham nhở, tỷ lệ 1%; Vết rách da vùng trán trái, cách đuôi lông mày trái lên trên 4,5cm, dài 4cm, hở rộng 1,3cm, sâu tới xương vòm sọ, xung quanh có dính đất bẩn, bờ mép nham nhở, tỷ lệ 3%. Kết luận khác: Các vết bầm tím, sưng nề, xây xát khác: Không đủ cơ sở để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể

* Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 543/VGTT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Mẫu vật cần giám định: Cành cây (gỗ) còn vỏ cây, đã khô, cứng, dài 1,15m, đường kính lớn nhất của các đầu cây là 3,6cm...mà Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk gửi đến Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk để giám định thì có khả năng gây ra các thương tích như trên cơ thể của Trương Thiên Ân, sinh ngày 19/02/1994, nơi thường trú: F L, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh

* Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 544/VGTT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Mẫu vật cần giám định: Cành cây (gỗ) còn vỏ cây, đã khô, cứng, dài 0,98m, đường kính lớn nhất của đầu cây là 3,2cm...mà Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk gửi đến Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk để giám định thì có khả năng gây ra các thương tích như trên cơ thể của Trương Thiên Ân, sinh ngày 19/02/1994, nơi thường trú: F L, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 06/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Truyền, Trần Minh Phụng về tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T2, về tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T và Trần Minh P phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị T2 phạm tội “Cướp tài sản”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (H) năm tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (Mười tám) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/12/2021.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh P 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh P 16 (Mười sáu) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Trần Minh P phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 17 (Mười bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/12/2021.

[1.3] Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 15 (Mười lăm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án

Ngày 24 và ngày 29 tháng 3 năm 2023, các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P có Đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh “*Cướp tài sản*” đối với các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin giảm hình phạt tù.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” là đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết mới, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 355 BLTTHS bác kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Minh P và Nguyễn Thị T2 đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh “*Giữ người trái pháp luật*” đối với hai bị cáo, đối với tội “*Cướp tài sản*” đề nghị xem xét các bị cáo chỉ đòi nợ không cướp tài sản và đề nghị xử bị cáo Hoàng Văn T mức án nhẹ và cho hưởng án treo, chấp nhận kháng cáo các bị cáo giảm hình phạt cho bị cáo P và bị cáo T.

Các bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, đề nghị xin giảm án tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo về tội danh đối với tội “cướp tài sản”, thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/12/2021 tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Hoàng Văn T, Trần Minh P đã có hành vi giữ Trương Thiên Â trong nhiều giờ. Sau đó Hoàng Văn T, Trần Minh P và Nguyễn Thị T2 đã dùng tay, chân và gậy gỗ đánh nhiều cái vào người của Â để bắt Â phải trả số tiền mà Â đã vay trước đó. Do bị đánh nên Â đã điện thoại nhờ người khác chuyển khoản số tiền 500.000 đồng đến tài khoản của Hoàng Văn T. Khi thấy Trương Thiên Â ngắt xui, Hoàng Văn T và Trần Minh P đưa Â đến tại Trạm y tế xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để cấp cứu thì được nhân viên y tế thông báo Â đã tử vong. Đến ngày 04/12/2021, Hoàng Văn T và Trần Minh P đến Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk đầu thú. Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T2 tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo, thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng người khác, tự do cá nhân của con người, gây nên người bị hại là anh Trương Thiên Â chết; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Đối với bị cáo Hoàng Văn T là người giữ vai trò tích cực trong vụ án, sau khi nghe bị cáo P nói giữ Â lại thì T đã ngay lập tức bắt Â chui vào chuồng sắt và chốt cửa lại giữ Â trong nhiều giờ liền. Khi P đến nhà Hoàng Văn T và dùng tay chân đánh Â, sợ bị hàng xóm phát hiện Hoàng Văn T là người chỉ cho Trần Minh P đưa Â đến rẫy của gia đình mình để thực hiện hành vi cướp tài sản. Tại đây, T đã cùng với P dùng tay chân và gậy gỗ đánh vào người Â, buộc Â gọi điện thoại cho người khác để chuyển tiền trả nợ cho P và T, cụ thể đã chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng do Â nhờ người chuyển qua số tài khoản của T, Hoàng Văn T còn có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội. Đối với bị cáo Trần Minh P là người khởi xướng việc bắt giữ Trương Thiên Â trái pháp luật; Trong quá trình bắt giữ, bị cáo dùng tay, chân, gậy gỗ đánh nhiều cái vào mặt, người của Â để buộc Â phải trả số nợ đã vay trước đó; Do bị đánh nên Â cũng đã nhờ người khác chuyển tiền cho P và T số tiền 500.000 đồng, mặc dù Â đã điện thoại cho nhiều người để mượn tiền trả cho T và P nhưng không có ai cho mượn nhưng P và T vẫn tiếp tục giữ Â và buộc Â phải tiếp tục vay mượn tiền để trả. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T2 khi thấy Trần Minh P và Hoàng Văn T bắt giữ, đánh Trương Thiên Â thì Nguyễn Thị T2 không can ngăn mà còn dùng tay tát vào mặt Â, dùng gậy đánh vào chân của Â để bắt Â trả số tiền đã vay trước đó.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P, Nguyễn Thị T2 phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 168 BLHS có khung hình phạt từ 18 năm tù đến 20 năm tù hoặc tù chung thân; Hoàng Văn T và Trần Minh P còn phạm Tội

“Giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 có khung hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất và mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, xem xét về nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo xử phạt các bị cáo với mức án như quyết định của Bản án sơ thẩm là không nặng. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới khác; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P, Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P, Nguyễn Thị T2 và giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (H) năm tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 18 (Mười tám) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/12/2021.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh P 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh P 16 (Mười sáu) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Trần Minh P phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 17 (Mười bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/12/2021.

[1.3] Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 15 (Mười lăm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Minh P, Nguyễn Thị T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn